

Ngày	4,200 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.5%	-1.9%	10.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,350 - 5,370
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,656
Số lượng CPLH (CP)	1,108,553,895
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,501,457
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	0.75
EPS	-888
P/E	-4.7

DT thuần

Q1/24

93.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼90.5| -49.2%

YoY: ▼33.5| -26.4%

LN trước thuế

Q1/24

-46.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 556| 92.3%

YoY: ▲ 77.5| 62.5%

LN sau thuế

Q1/24

-47.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 557| 92.2%

YoY: ▲ 64.9| 58.0%

ROA

2023

-8.2%

+/- YoY: ▲ 18.6%

DT thuần

2023

606

tỷ VNĐ

YoY: ▼136| -18.4%

LN trước thuế

2023

-1,110

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,456| 68.9%

LN sau thuế

2023

-1,098

tỷ VNĐ

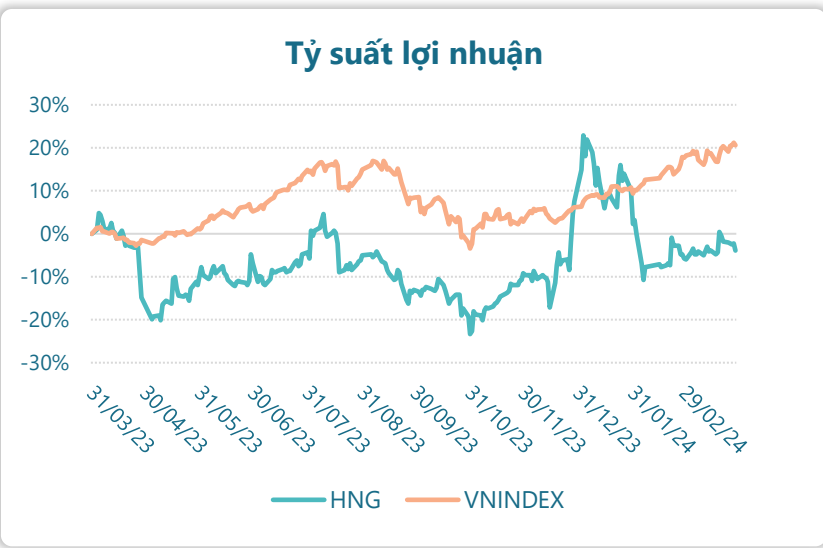
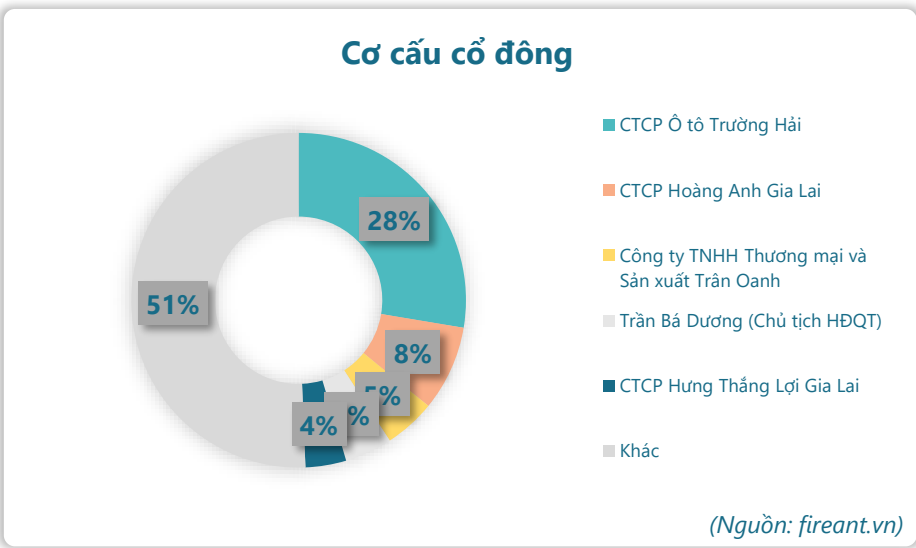
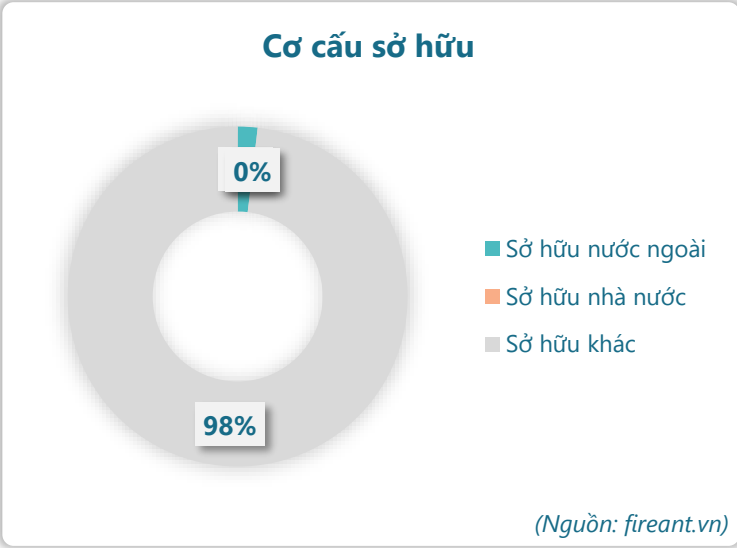
YoY: ▲ 2,478| 69.3%

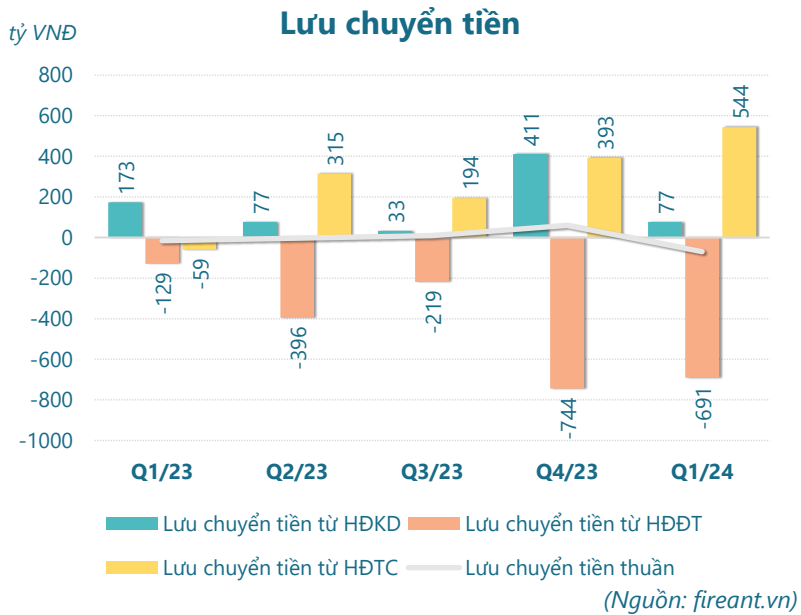
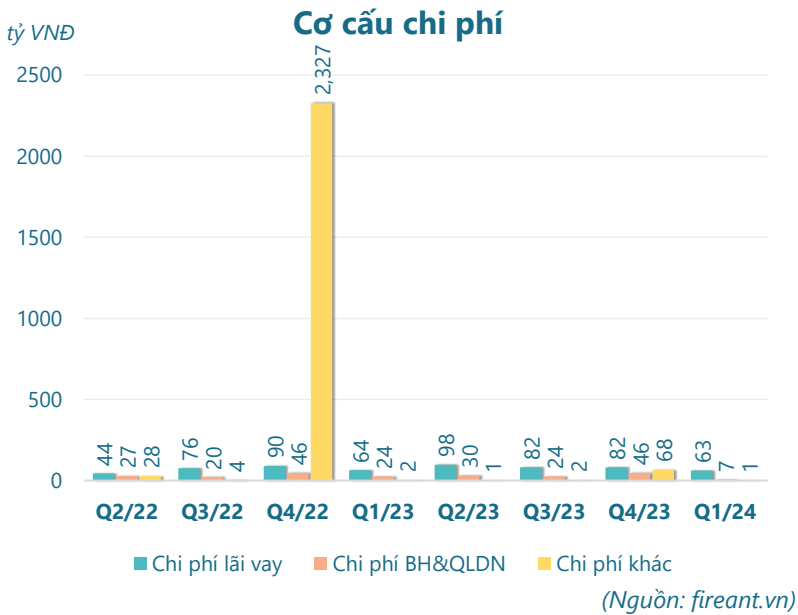
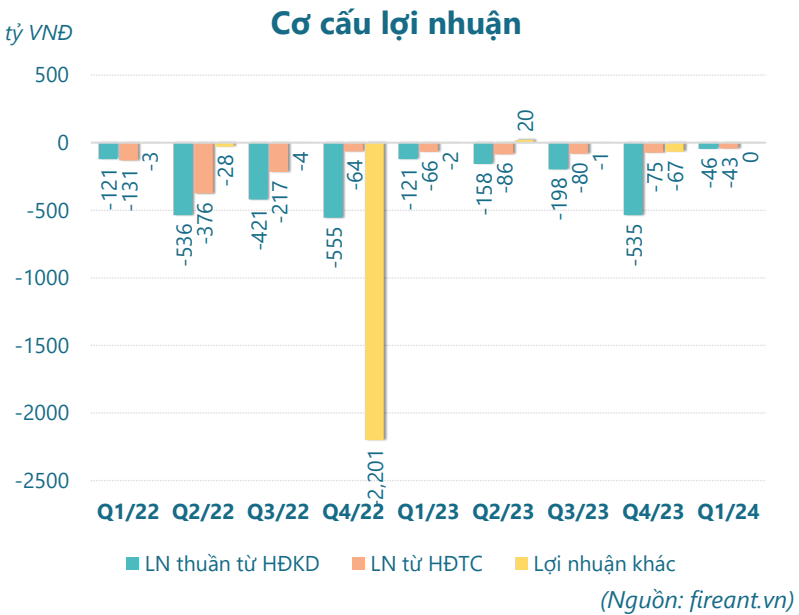
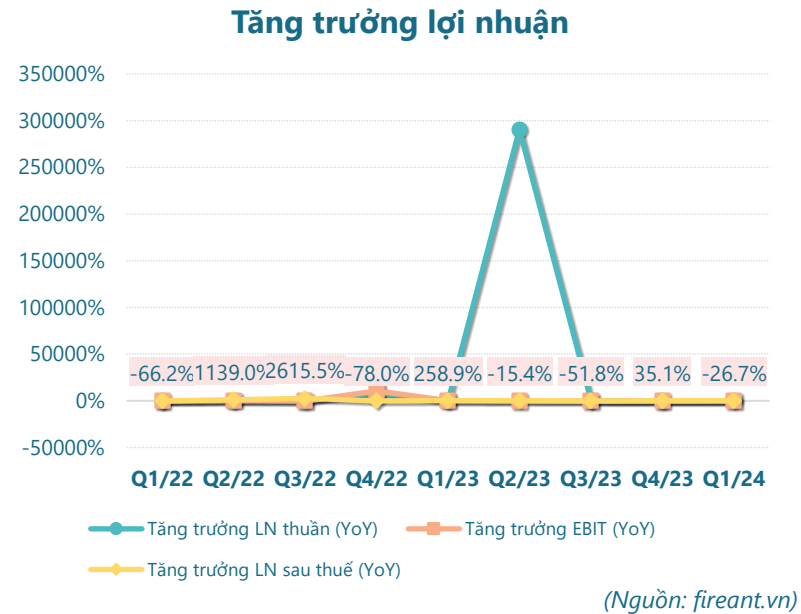
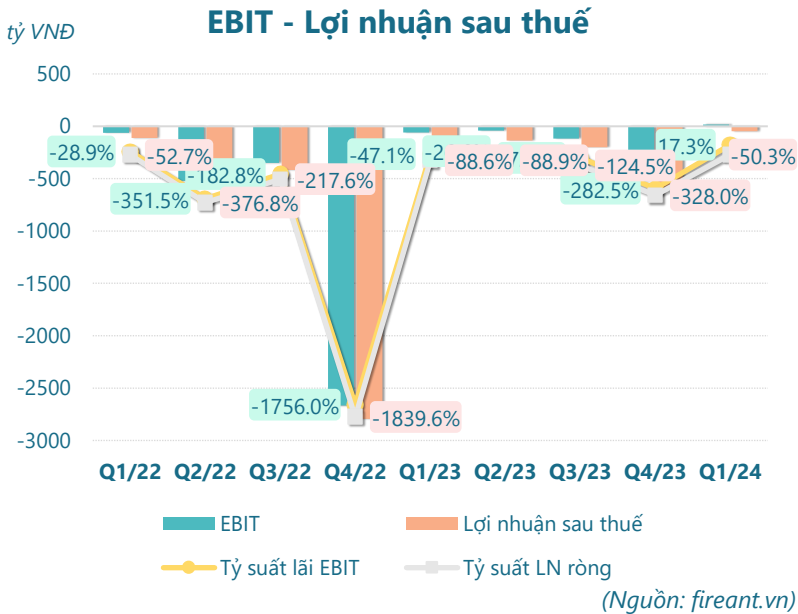
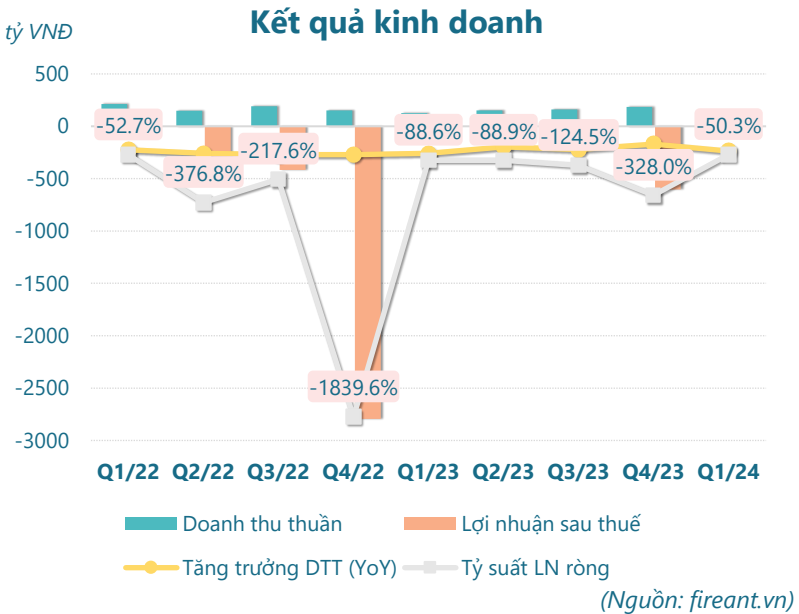
ROE

2023

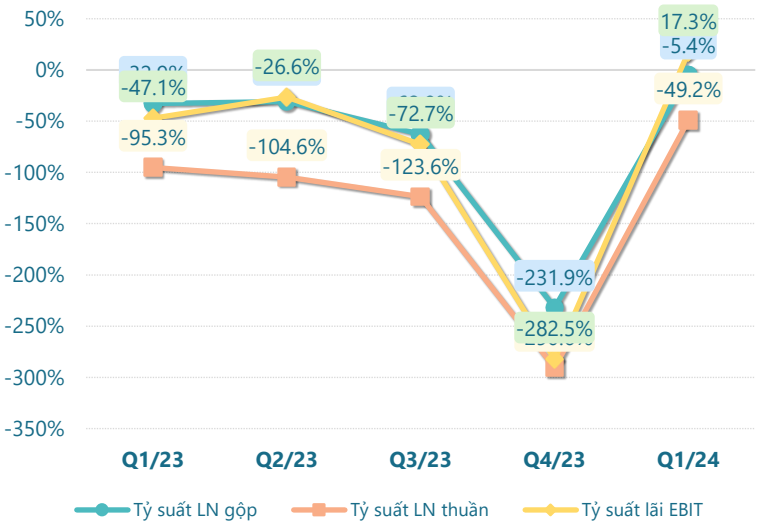
-41.5%

+/- YoY: ▲ 37.7%



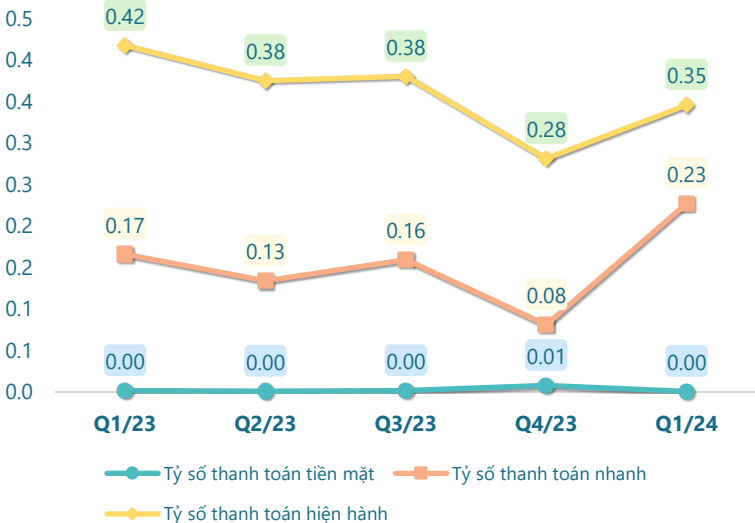


Tỷ suất lợi nhuận



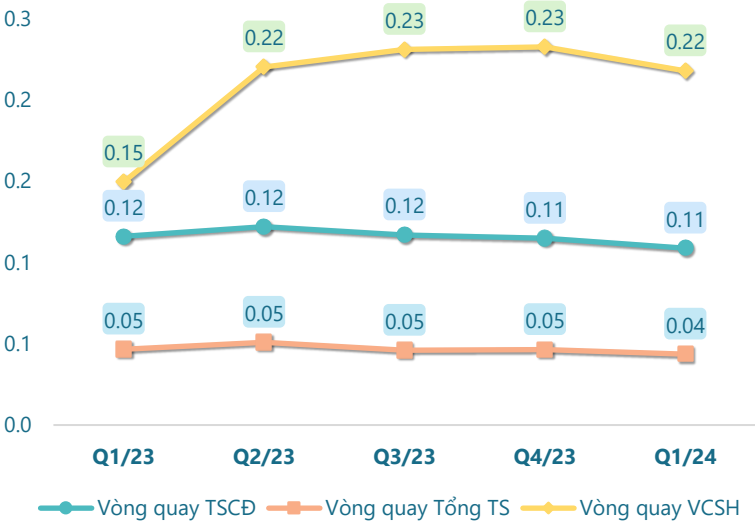
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



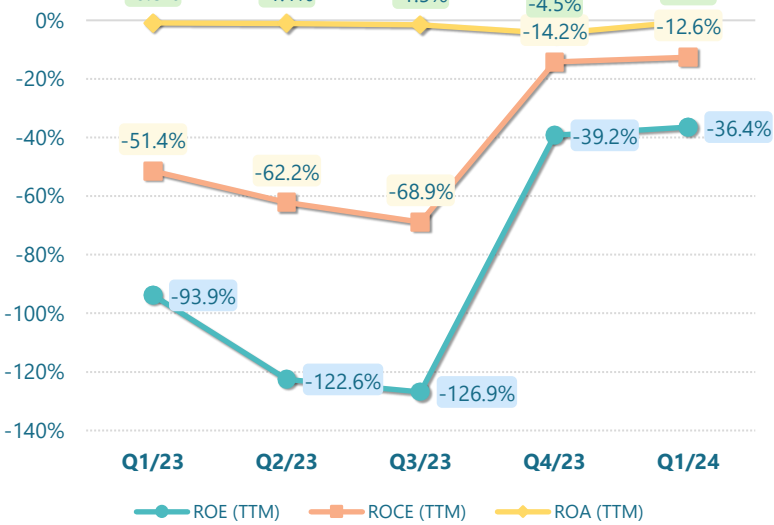
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



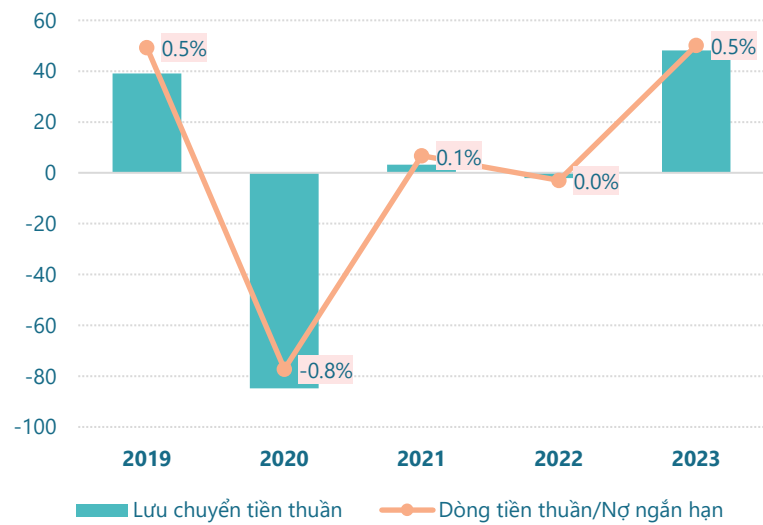
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



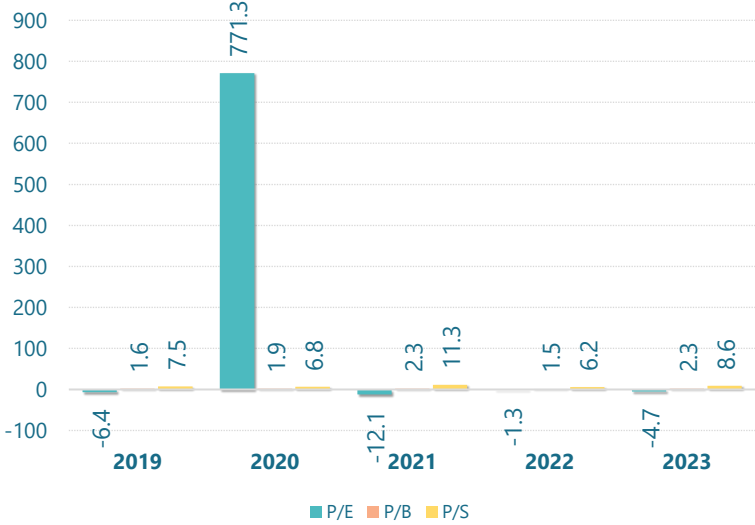
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)